

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2024 như sau:

		6.790.968.120		ĐV tính: đồng	
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	582.046.516.000	127.801.978.447	21,96%	109,45%
1	Ngân sách Nhà nước				
2	Dịch vụ y tế	505.478.941.000	111.730.039.526	22,10%	111,66%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	76.567.575.000	16.071.938.921	20,99%	96,19%
II	Tổng chi	582.046.516.000	121.011.010.327	20,79%	112,21%
A	Tổng chi thường xuyên	581.620.721.000	120.857.919.936	20,78%	112,28%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	116.630.504.000	43.142.247.544	36,99%	121,52%
1	Tiền lương	39.604.624.000	14.118.981.094	35,65%	128,32%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	3.818.686.210	35,89%	109,24%
3	Phụ cấp lương	55.521.882.000	21.022.225.019	37,86%	119,27%
4	Tiền thưởng	728.525.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	1.433.000	5,66%	21,47%
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	4.180.922.221	41,55%	125,72%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.373.000	-	0,00%	0,00%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	461.037.609.000	74.489.630.932	16,16%	108,19%
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.666.497.000	3.043.606.969	31,49%	118,36%
9	Vật tư văn phòng	4.375.674.000	907.332.726	20,74%	99,38%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	823.151.000	276.493.572	33,59%	95,10%
11	Hội nghị	-	-		
12	Công tác phí	476.155.000	88.248.000	18,53%	232,34%
13	Chi phí thuê mướn	7.675.157.000	755.690.000	9,85%	613,26%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.856.269.000	819.646.020	6,38%	144,62%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.206.000.000	710.178.162	5,82%	98,16%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	412.945.796.000	67.888.435.483	16,44%	106,70%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	3.952.608.000	3.226.041.460	81,62%	98,13%
19	Chi khác	3.882.082.000	3.010.041.460	77,54%	93,23%
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	70.526.000	216.000.000	306,27%	368,12%
B	Trích 35% bổ sung chi lương	425.795.000	153.090.391	35,95%	77,64%

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Giám đốc

Lê Nguyễn Kiều My

Phan Thụy Thu Vân



Lê Huy Thạch

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2024 như sau:

		6.790.968.120		ĐV tính: đồng	
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	Tổng số thu	582.046.516.000	127.801.978.447	21,96%	109,45%
1	Ngân sách Nhà nước				
2	Dịch vụ y tế	505.478.941.000	111.730.039.526	22,10%	111,66%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	76.567.575.000	16.071.938.921	20,99%	96,19%
II	Tổng chi	582.046.516.000	121.011.010.327	20,79%	112,21%
A	Tổng chi thường xuyên	581.620.721.000	120.857.919.936	20,78%	112,28%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	116.630.504.000	43.142.247.544	36,99%	121,52%
1	Tiền lương	39.604.624.000	14.118.981.094	35,65%	128,32%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	3.818.686.210	35,89%	109,24%
3	Phụ cấp lương	55.521.882.000	21.022.225.019	37,86%	119,27%
4	Tiền thưởng	728.525.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	1.433.000	5,66%	21,47%
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	4.180.922.221	41,55%	125,72%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.373.000	-	0,00%	0,00%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	461.037.609.000	74.489.630.932	16,16%	108,19%
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.666.497.000	3.043.606.969	31,49%	118,36%
9	Vật tư văn phòng	4.375.674.000	907.332.726	20,74%	99,38%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	823.151.000	276.493.572	33,59%	95,10%
11	Hội nghị	-	-		
12	Công tác phí	476.155.000	88.248.000	18,53%	232,34%
13	Chi phí thuê mướn	7.675.157.000	755.690.000	9,85%	613,26%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.856.269.000	819.646.020	6,38%	144,62%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.206.000.000	710.178.162	5,82%	98,16%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	412.945.796.000	67.888.435.483	16,44%	106,70%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	3.952.608.000	3.226.041.460	81,62%	98,13%
19	Chi khác	3.882.082,000	3.010.041.460	77,54%	93,23%
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	70.526.000	216.000.000	306,27%	368,12%
B	Trích 35% bổ sung chi lương	425.795.000	153.090.391	35,95%	77,64%

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng

Lê Nguyễn Kiều My

Kế toán trưởng

Phan Thụy Thu Vân

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Giám đốc



Lê Huy Trạch

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2024 như sau:

		6.790.968.120		ĐV tính: đồng	
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	582.046.516.000	127.801.978.447	21,96%	109,45%
1	Ngân sách Nhà nước				
2	Dịch vụ y tế	505.478.941.000	111.730.039.526	22,10%	111,66%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	76.567.575.000	16.071.938.921	20,99%	96,19%
II	Tổng chi	582.046.516.000	121.011.010.327	20,79%	112,21%
A	Tổng chi thường xuyên	581.620.721.000	120.857.919.936	20,78%	112,28%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	116.630.504.000	43.142.247.544	36,99%	121,52%
1	Tiền lương	39.604.624.000	14.118.981.094	35,65%	128,32%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	3.818.686.210	35,89%	109,24%
3	Phụ cấp lương	55.521.882.000	21.022.225.019	37,86%	119,27%
4	Tiền thưởng	728.525.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	1.433.000	5,66%	21,47%
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	4.180.922.221	41,55%	125,72%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.373.000	-	0,00%	0,00%
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	461.037.609.000	74.489.630.932	16,16%	108,19%
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.666.497.000	3.043.606.969	31,49%	118,36%
9	Vật tư văn phòng	4.375.674.000	907.332.726	20,74%	99,38%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	823.151.000	276.493.572	33,59%	95,10%
11	Hội nghị	-	-		
12	Công tác phí	476.155.000	88.248.000	18,53%	232,34%
13	Chi phí thuê mướn	7.675.157.000	755.690.000	9,85%	613,26%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.856.269.000	819.646.020	6,38%	144,62%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.206.000.000	710.178.162	5,82%	98,16%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	412.945.796.000	67.888.435.483	16,44%	106,70%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	3.952.608.000	3.226.041.460	81,62%	98,13%
19	Chi khác	3.882.082,000	3.010.041.460	77,54%	93,23%
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	70.526.000	216.000.000	306,27%	368,12%
B	Trích 35% bổ sung chi lương	425.795.000	153.090.391	35,95%	77,64%

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Giám đốc

Lê Nguyễn Kiều My

Phan Thụy Thu Vân



Lê Huy Thạch